

Hà Nội, ngày 26/01/2018

**BẢN TIN**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**  
**CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ DÂN SINH**  
**Lưu vực sông Srêpôk**  
**(Tuần từ 26/01 đến 1/2/2018)**

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1.1. Lượng mưa**

Trạm	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa cộng dồn (mm)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa trong tuần tới (mm)
				TB nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015	
1	Buôn Ma Thuột	0	1.899,9	+2%	+14%	+26%	2
2	M'Đrăk	36,6	2.786,6	+33%	-13%	+51%	0,5
3	Ea Sôúp	0	1.795,5	+18%	+13%	+15%	0,5
4	Ea H'Leo	0	2.203,5	+12%	+64%	+64%	0,5
5	Buôn Hồ	0	1.930,3	+24%	+18%	+52%	1,5
6	Đức Xuyên	0,2	2.974,5	+58%	+69%	+132%	1
7	Giang Sơn	0	1.964,8	+6%	-6%	+32%	0,5
8	Bản Đôn	0	1.636,0	+5%	+10%	+76%	0,5
<b>Trung bình</b>		<b>4,6</b>	<b>2.148,9</b>	<b>+15,8%</b>	<b>+21,1%</b>	<b>+56,0%</b>	<b>0,8</b>

**Nhận xét:** Lượng mưa trung bình các trạm trong tuần trước là 4,6 mm; Lượng mưa cộng dồn các trạm đo mưa chính trên địa bàn lớn hơn trung bình nhiều năm +15,8% và lớn hơn năm hạn nặng 2016 là 21,1%, lượng mưa dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 0,8 mm.

**1.2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện**

**a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi**

TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2016	2015		
1	Hồ Hoàng Ân	6,80	100%	120%	147%	115%	Giảm	69%
2	Hồ TT Chư Prông	4,13	100%	101%	104%	96%	Giảm	76%
3	Hồ Plepai-Ialốp	16,98	69%	95%	96%	95%	Giảm	57%
4	Hồ Ia Glei	3,60	50%	43%	44%	43%	Giảm	32%
5	Hồ Đrao I	2,22	100%	108%	108%	113%	Giảm	72%
6	Hồ Buôn Jong	17,34	109%	102%	104%	103%	Giảm	56%
7	Ea Kao	17,76	98%	117%	161%	122%	Giảm	66%
8	Hồ Ea Chur Kấp hạ	11,20	99%	98%	100%	96%	Giảm	59%
9	Hồ Buôn Triết	25,00	97%	99%	106%	101%	Giảm	48%

TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2016	2015		
10	Hồ Ea Kuăng	5,50	100%	112%	120%	119%	Giảm	65%
11	Hồ Vụ Bôn	5,04	114%	160%	252%	252%	Giảm	84%
12	Hồ Krông Buk hạ	109,34	101%	102%	102%	103%	Giảm	62%
13	Hồ Yang Reh	5,46	94%	97%	98%	100%	Giảm	48%
14	Hệ thống hồ Ea Soup	156,19	94%	114%	134%	118%	Giảm	68%
15	Hồ Ea Kar	11,50	100%	106%	117%	109%	Giảm	50%
16	Hồ Trung Tâm	1,22	107%	106%	105%	113%	Giảm	0%
17	Hồ Ea Rót	18,53	98%	105%	105%	105%	Giảm	63%
18	Hồ Đăk Đ'rông	4,22	75%	133%	142%	137%	Giảm	0%
19	Hồ Trúc Sơn	0,93	83%	87%	96%	84%	Giảm	0%
20	Hồ Đăk Diêr	5,92	87%	82%	93%	93%	Giảm	0%
21	Hồ Đăk Săk	7,52	98%	111%	113%	113%	Giảm	26%
22	Hồ Đăk Nang	2,76	83%	84%	83%	85%	Giảm	17%
23	Hồ công ty 847	1,11	96%	154%	374%	97%	Giảm	32%
24	Hồ Tây	3,33	85%	93%	88%	100%	Giảm	53%
25	Hồ Đăk Goun thượng	1,02	49%	49%	46%	50%	Giảm	0%
26	Hồ Đăk N' der 2	0,49	94%	92%	94%	100%	Giảm	47%
27	Hồ Đô Ry 2	1,32	86%	154%	154%	153%	Giảm	35%
28	Hồ Buôn R'cập	0,52	116%	114%	128%	100%	Giảm	22%
<b>Tổng cộng</b>		<b>446,93</b>	<b>92%</b>	<b>105%</b>	<b>122%</b>	<b>108%</b>	<b>Giảm</b>	

**Nhận xét:** Dung tích trữ trong các hồ chứa đều đầy hoặc xấp xỉ đầy hồ, tương đương 105% so với trung bình nhiều năm và tương đương 122% so với năm hạn nặng 2016.

**b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du**

TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo lượng nước đến hồ (triệu m <sup>3</sup> )	Lượng nước bổ sung cho hạ du (triệu m <sup>3</sup> )
				TBNN	Năm 2016	Năm 2015		
1	Buôn Tua Srah	522,60	491,94	+118%	+121%	+113%	30,24	69,73
2	Buôn Kuop	14,70	4,95	+102%	+182%	+179%	90,04	144,91
3	Srêpôk 3	62,85	43,98	+99%	+184%	+82%	79,91	165,54
<b>Trung bình</b>		<b>200,05</b>	<b>180,29</b>	<b>+106,15%</b>	<b>+162,53%</b>	<b>+124,4%</b>	<b>200,19</b>	<b>380,18</b>

**Nhận xét:** - So với dung tích thiết kế thì hồ thủy điện Buôn Tua Srah đạt 94%, hồ Thủy điện Buôn Kuop đạt 34%, hồ Srêpôk 3 đạt 70% dung tích hồ.

- Dự báo tổng lượng nước đến các hồ thủy điện là 200,19 triệu m<sup>3</sup>, tổng lượng xả qua các nhà máy thủy điện bổ sung nước cho hạ du khoảng 380,18 triệu m<sup>3</sup>.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HẠN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

### 2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

- Trong lưu vực sông Srêpôk có 28 công trình vừa và lớn được đưa vào tính toán cân bằng nước với tổng dung tích thiết kế các hồ 447 triệu m<sup>3</sup>, trong đó tổng dung tích hữu ích thiết kế 394 triệu m<sup>3</sup>. Hiện nay các hồ đều xấp xỉ MNDBT, chỉ có một số ít hồ cạn nước, tổng dung tích hữu ích của các hồ hiện nay 377 triệu m<sup>3</sup>, trong khi tổng nhu cầu nước từ nay đến cuối vụ đông xuân chỉ 141,1 triệu m<sup>3</sup> nên về nguồn nước có trong các hồ cơ bản đáp ứng nhu cầu cấp nước.

- Có 5/28 công trình (Hồ Trung Tâm, hồ Đăk Đ'ông, hồ Trúc Sơn, hồ Đăk Diêr, hồ Đăk Goun thượng) nguồn nước bị thiếu do bố trí diện tích cây trồng quá lớn so với dung tích hiệu dụng nên trong vụ Đông xuân cần thiết phải tưới tiết kiệm để đảm bảo nhu cầu nước tối thiểu của cây trồng.

TT	Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2017-2018			Ghi chú
				Dung tích dự báo so với TK	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Hồ Hoàng Ân	100%	703	100%	100%	703	Đủ nước
2	Hồ TT ChưPrông	100%	287	100%	100%	287	Đủ nước
3	Hồ Plepai-Ialốp	69%	293	100%	100%	293	Đủ nước
4	Hồ Ia Glei	50%	209	100%	100%	209	Đủ nước
5	Hồ Đrao I	100%	176	100%	100%	176	Đủ nước
6	Hồ Buôn Jong	109%	2391	100%	100%	2.391	Đủ nước
7	Ea Kao	98%	968	100%	100%	968	Đủ nước
8	Hồ Ea Chur Kấp hạ	99%	1396	100%	100%	1.396	Đủ nước
9	Hồ Buôn Triết	97%	1492	100%	100%	1.492	Đủ nước
10	Hồ Ea Kuăng	100%	637	100%	100%	637	Đủ nước
11	Hồ Vụ Bôn	114%	249	100%	100%	249	Đủ nước
12	Hồ Krông Buk hạ	101%	7415	100%	100%	7.415	Đủ nước
13	Hồ Yang Reh	94%	316	100%	100%	316	Đủ nước
14	Hệ thống hồ Ea Soup	94%	5247	100%	100%	5.247	Đủ nước
15	Hồ Ea Kar	100%	1180	100%	100%	1.180	Đủ nước
16	Hồ Trung Tâm	107%	487	100%	92%	446	Thiếu nước
17	Hồ Ea Rốt	98%	2150	100%	100%	2.150	Đủ nước
18	Hồ Đăk Đ'ông	75%	497	100%	81%	404	Thiếu nước
19	Hồ Trúc Sơn	83%	296	100%	83%	247	Thiếu nước
20	Hồ Đăk Diêr	87%	1257	100%	92%	1.151	Thiếu nước
21	Hồ Đăk Săk	98%	1169	100%	100%	1.169	Đủ nước
22	Hồ Đăk Nang	83%	244	100%	100%	244	Đủ nước
23	Hồ công ty 847	96%	222	100%	100%	222	Đủ nước
24	Hồ Tây	85%	357	100%	100%	357	Đủ nước
25	Hồ Đăk Goun thượng	49%	166	100%	89%	149	Thiếu nước
26	Hồ Đăk N'der 2	94%	81	100%	100%	81	Đủ nước
27	Hồ Đô Ry 2	86%	244	100%	100%	244	Đủ nước
28	Hồ Buôn R'cấp	116%	159	100%	100%	159	Đủ nước
<b>Tổng cộng</b>		<b>92%</b>					

## 2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Bảng tổng hợp thông tin nguồn nước và nhu cầu nước vùng nằm ngoài công trình thủy lợi theo kịch bản kiến nghị tính toán.

TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến cáo
				Năm Min	Năm TB	Năm Max	
1	Buôn Ma Thuột	Cư M'Gar, Buôn Ma Thuột	1902	+53%	+3%	-28%	Rủi ro hạn thấp
2	M'Đrắk	M'Đrắk	2787	+205%	+33%	-34%	Rủi ro hạn thấp
3	Ea Súp	Huyện Ea Soup	1796	+97%	+18%	-19%	Rủi ro hạn thấp
4	Ea H'Leo	Ea Hleo, Chư Sê	2204	+91%	+12%	-29%	Rủi ro hạn thấp
5	Buôn Hồ	Krông Buk, Buôn Hồ, Krông Păk	1932	+85%	+11%	-23%	Rủi ro hạn thấp
6	Đức Xuyên	Lắk, Krông Nô	2975	+132%	+58%	24%	Rủi ro hạn thấp
7	Giang Sơn	Krông Bông, Kư Kuin	1965	+84%	+6%	-20%	Rủi ro hạn thấp
8	Bản Đôn	Buôn Đôn	1637	+76%	+5%	-24%	Rủi ro hạn thấp
		<b>Trung bình</b>		<b>+103%</b>	<b>+18%</b>	<b>-19%</b>	<b>Rủi ro hạn thấp</b>

**Nhận xét:** Nguồn nước trong vùng cao hơn cùng kỳ trung bình nhiều năm là 18% và lớn hơn 103% so với năm mưa thấp nhất, như vậy rủi ro hạn hán thiếu nước trong vùng là thấp.

## 2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
<b>310.000</b>	40.000	270.000					

## III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh được lấy từ các hệ thống công trình thủy lợi đủ đảm bảo tuần tới. Tuy nhiên vẫn cần sử dụng nước tiết kiệm để đảm bảo nguồn nước từ nay đến cuối vụ đông xuân.

Nhìn chung, đối với những vùng tưới không sử dụng nước từ các công trình thủy lợi, tình hình hạn hán trong vụ Đông Xuân 2017-2018 được dự báo sẽ không khắc nghiệt. Tuy nhiên do mùa khô có lượng mưa rất thấp, một số vùng xa vùng có mưa lớn (Buôn Mê Thuột) lượng mưa hiệu quả không thể đáp ứng được 100% nhu cầu nước của cây trồng, nên việc đáp ứng nhu cầu nước cho cây trồng đối với những vùng này vẫn luôn tiềm ẩn khả năng xảy ra hạn hán khi tình hình thời tiết có những diễn biến theo chiều hướng khắc nghiệt. Vì vậy đối với những vùng này cần tích trữ nước đồng thời sử dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, giảm tổn thất bốc hơi mặt ruộng và các công cụ lưu trữ nước khác

**Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 02/02/2018.**